

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền
hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ cát số 45 tại xã Cẩm Vân,
huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND tỉnh về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất mỏ cát số 45 tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy đối với Doanh nghiệp tư nhân Thắng Hiền;

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 45, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa” (Trữ lượng tính đến ngày 10/8/2018);

Theo Công văn số 169/UBND-CN ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương cho Doanh nghiệp tư nhân Thắng Hiền thăm dò, đánh giá lại trữ lượng mỏ cát số 45 tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy để lập hồ sơ gia hạn thời gian khai thác; Công văn số 4040/UBND-CN ngày 01/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương gia hạn thời gian khai thác khoáng sản đối với các mỏ cát số 45, 46 tại xã Cẩm Vân và mỏ cát số 47 tại xã Cẩm Tân, huyện Cẩm Thủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 463/TTr-STNMT ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ cát số 45 tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ cát số 45 tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:
 - a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiên; địa chỉ: Làng Mới, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;
 - b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:
 - $G_1 = 100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,125 = 112.500 \text{ đồng/m}^3$ đối với cát đen dùng trong xây dựng;
 - $G_2 = 245.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,125 = 275.625 \text{ đồng/m}^3$ đối với cát vàng dùng trong xây dựng;
 - $G_3 = 168.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,29 = 216.720 \text{ đồng/m}^3$ đối với các loại cuội, sỏi, sạn khác;
 - c) Trữ lượng tính tiền: $Q = Q_1 + Q_2 + Q_3 = 64.043 \text{ m}^3$, trong đó:
 - Trữ lượng cát xây trát (Cát đen dùng trong xây dựng) $Q_1: 23.471 \text{ m}^3$;
 - Trữ lượng cát bê tông (Cát vàng dùng trong xây dựng) $Q_2: 19.438 \text{ m}^3$;
 - Trữ lượng sỏi $Q_3: 21.134 \text{ m}^3$.
 - d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;
 - đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,9$;
 - e) Mức thu tiền cấp quyền: $R_1 = 20\%$ đối với cát ; $R_2 = 5\%$ đối với sỏi;
 - f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_3 \times G_3 \times K_1 \times K_2 \times R_2) = (23.471 \text{ m}^3 \times 112.500 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 20\%) + (19.438 \text{ m}^3 \times 275.625 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 20\%) + (21.134 \text{ m}^3 \times 216.720 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 5\%) = 1.481.186.472 \text{ đồng}$$
(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, một trăm tám sáu nghìn, bốn trăm bảy hai đồng);
 - g) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 01 lần;
 - h) Thời điểm nộp tiền: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và trước khi nhận Giấy phép khai thác;
2. Hoàn trả kinh phí thăm dò: Mỏ cát trên do Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiên tự bỏ kinh phí thăm dò trữ lượng. Do đó đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

- Sau khi kết thúc thời gian khai thác, nộp hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ trên về Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. UBND huyện Cẩm Thủy, UBND xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Chủ tịch UBND xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy; Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT Mai Xuân Liêm;
 - Lưu: VT, CN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-139

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm